

Bản án số: 101/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên; Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 668/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Xuân G, sinh năm 1982; ĐKKHKT: Thôn C, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được nguyên đơn ủy quyền giao nhận văn bản: Chị Phan Thị Ngọc Á, sinh năm 2003; ĐKKHKT: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ liên hệ: Ngõ D D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980; Thôn C, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được bị đơn ủy quyền giao nhận văn bản: Công ty L và Cộng sự; Địa chỉ trụ sở: Số D D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn T – Giám đốc; Người được cử giao nhận tài liệu: Chị Kiều Thu T1, sinh năm 2003; ĐKKHKT: Tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Các đương sự vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Vũ Xuân G trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N (nay là xã A, thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 09/5/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh chị không có tiếng nói chung nên không thể hòa hợp được, từ đó tình cảm cũng phai nhạt dần. Năm 2017 và năm 2018 anh chị lần lượt đi lao động tại Đài Loan nhưng không sống cùng nhau, vợ chồng ít gặp nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Ngọc A, sinh ngày 12/12/2005. Hiện con đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh G đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên anh ủy quyền cho chị Phan Thị Ngọc Á thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai, giấy ủy quyền chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Vũ Xuân G có quan hệ hôn nhân như anh G trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và không thể hòa hợp được. Năm 2007 và năm 2008 anh chị lần lượt đi lao động tại Đài Loan nhưng mỗi người sống một nơi nên mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh G có đơn xin ly hôn, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Vũ Ngọc A, sinh ngày 12/12/2005, hiện con đã trưởng thành và tự lo cho cuộc sống của mình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị N đang làm việc tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho Công ty L và Cộng sự thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người được anh G và chị N ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị Phan Thị Ngọc Á và chị Kiều Thu T1 trình bày: Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, các chị đã thông báo cho anh G, chị N biết, anh Vũ Xuân G và chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho anh Vũ Xuân G ly hôn chị Nguyễn Thị N; về con chung: không giải quyết; về án phí: anh G phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vũ Xuân G và bị đơn chị Nguyễn Thị N có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn C, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện anh, chị đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù anh G, chị N không có mặt ở Việt Nam nhưng anh G đã gửi đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và ủy quyền cho chị Phan Thị Ngọc Á nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này chưa được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay của anh G đối với các tài liệu này. Kết quả giám định cho thấy, dấu vân tay tại các ngón trỏ trái và ngón trỏ phải in trong các tài liệu trên so với dấu vân tay tại giấy chứng minh nhân dân của anh G là của cùng một người. Chị N gửi Bản tự khai, giấy ủy quyền cho Công ty L và Cộng Sự giao nộp tại Tòa án. Văn bản chị N gửi về đã được Văn phòng K tại Đ chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội

dung trong các văn bản mà anh G, chị N gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của anh chị.

Các đương sự đều đề nghị được giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Xuân G và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện N (nay là xã A, thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 09/5/2005 là hôn nhân hợp pháp. Anh G và chị N đều xác định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung, quan điểm sống bất đồng và không thể hòa hợp được. Mặc dù anh chị cùng sang lao động tại Đài Loan nhưng không ở cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Nay anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh G có đơn xin ly hôn, chị N cũng nhất trí ly hôn. HĐXX thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh G và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G, xử cho anh G được ly hôn chị N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh G và chị N có 01 con chung là Vũ Ngọc A, sinh ngày 12/12/2005, hiện con chung đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh G, chị N cùng xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Vũ Xuân G phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Xuân G, xử cho anh Vũ Xuân G ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về án phí: Anh Vũ Xuân G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0005393 ngày 06 tháng 12 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Phan Thị Ngọc Á nộp thay). Anh G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Xuân G và chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy